TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HS-ST
Ngày 30/6/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế và ông Đỗ Hoàng Long.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Lê Huy Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2022/TLST-HS, ngày 16/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HS ngày 13/6/2022, đối với các bị cáo:

1. **Trần Đức Â**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Đức Nh (đã chết) và con bà Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị M; có 02 con (con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2022 đến ngày 15/02/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

2. **Trần Đức T**, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Đức Nh (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Đ; có vợ Nguyễn Thị T; có 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/02/2022 đến ngày 15/02/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

3. **Nguyễn Việt H**, sinh năm 1964; nơi cư trú: số 23/278/11 đường T, phường H, quận Đ, thành phố H; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Kim H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị B; có vợ Trần Thị Th; có 02 con (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2022 đến ngày 15/02/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

4. **Nguyễn Duy Đ**, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn Xxã X, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Duy Đ (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Q (đã chết); có vợ Nguyễn Thị Th; có 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1996); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2022 đến ngày 15/02/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

5. **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Gi (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Th (đã chết); có vợ Nguyễn Thị Th; có 04 con (con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2022 đến ngày 15/02/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

6. **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Ch (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị Đ; có 05 con (con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2006); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 28/2007/HSST ngày 30/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt Phú 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 01/7/2013 chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2022 đến ngày 15/02/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

7. **Nguyễn Duy Đ**, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn X, xã X, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Duy Dt (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Th (đã chết)); có vợ: Nguyễn Thị Kh; có 02 con (con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1989); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2022 đến ngày 15/02/2022 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại địa phương (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 50 phút ngày 09/02/2022, tại phòng khách nhà Trần Đức Â, lực lượng Công an huyện T bắt quả tang các đối tượng đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh chắn được thua bằng tiền gồm: Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Văn Th, Trần Đức T và Nguyễn Việt H. Có mặt tại địa điểm trên khi lực lượng Công an bắt quả tang còn có Trần Đức Â (là chủ nhà), Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Văn Ph và Trần Đức B. Vật chứng thu giữ gồm:

+ Thu giữ trên chiếu bạc tại vị trí trước mặt H đang ngồi số tiền 520.000 đồng; tại vị trí trước mặt Th 840.000 đồng; tại vị trí trước mặt Ph 300.000 đồng; tại vị trí trước mặt Đ 200.000 đồng; tại vị trí trước mặt Đ 40.000 đồng. Thu giữ dưới chiếu bạc trên nền nhà vị trí Đ ngồi 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 560.000 đồng; tại vị trí dưới ví da có số tiền 5.720.000 đồng (Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 8.180.000 đồng).

+ 01 chiếu nhựa màu vàng, xanh, đỏ; 01 tấm thảm màu nâu; 02 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 02 bộ bài chắn (01 bộ màu đỏ, 01 bộ màu trắng).

+ Kiểm tra trên người các đối tượng, lực lượng Công an đã thu giữ của Nguyễn Duy Đ số tiền 330.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen; Nguyễn Duy Đ 01 điện thoại di động Samsung màu vàng; Nguyễn Văn Ph 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 7.600.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng; Nguyễn Việt H 01 ví da màu đen bên trong có số tiền 3.540.000 đồng, 01 bao lì xì bằng giấy màu đỏ bên trong có số tiền 1.640.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám; Nguyễn Văn Th 01 điện thoại di động Oppo màu đen; Trần Đức T 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 6.920.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung màu đen; Trần Đức Â 01 điện thoại di động Oppo màu đen (tổng số tiền

thu giữ trên người là 20.030.000 đồng). Tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc và trên người các đối tượng là 28.210.000 đồng.

Quá trình điều tra đã chứng minh làm rõ:

Khoảng 09 giờ ngày 09/02/2022, Trần Đức Â đang ở nhà thì có Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Văn Th, Trần Đức T, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Việt H đến chơi và ngồi uống nước tại phòng khách. Sau đó Đ, Th, T và H rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh chắn được thua bằng tiền (không nhớ ai là người rủ) và bảo Â cho chơi tại đó. Â đồng ý và đi ra quán bán hàng tạp hóa của bà Ngô Thị S, sinh năm 1969 ở cùng thôn mua 02 bộ bài chắn (01 bộ màu đỏ, 01 bộ màu trắng) rồi mang về nhà để ở kệ tivi. Sau đó Â lấy 02 đĩa sứ hình tròn màu trắng đặt xuống chiếu nhựa (chiếu đã được trải sẵn trên nền phòng khách từ trước) rồi lấy 02 bộ bài chắn, 01 tấm thảm màu nâu đặt trên chiếu nhựa. Sau khi đã chuẩn bị xong thì Đ, Th, H và T ngồi xuống chiếu chơi. Vị trí ngồi như sau: Đ ngồi đối diện với Th, bên trái Đ là T, bên phải là H. Thống nhất phương thức chơi là đánh chắn được thua bằng tiền. Người chơi sử dụng bộ bài chắn 100 quân chia làm 5 phần, 4 phần của người chơi (mỗi người 19 quân, người đánh đầu được 20 quân), phần còn lại là bài nọc được để úp trên một chiếc đĩa sứ dưới chiếu. Khi quân bài trong nọc được lật lên, nếu quân bài này cùng với 19 quân bài của một người chơi hợp thành 10 cặp chắn hay cạ, trong đó có 06 chắn trở lên thì người chơi đó ù và thắng ván bài (một chắn gồm 02 quân bài giống nhau, một cạ gồm hai quân bài khác nhau nhưng cùng hàng, ví dụ như tam vạn, tam sách). Quy định ù xuông (ù không có cước) thì mỗi người phải trả 40.000 đồng. Ù thông (ù ván trước và ván này ù tiếp), ù chì (quân bài ù là quân bài mình bốc lên), ù tôm (bài ù có tam sách, tam vạn, thất văn), ù chíu (bài bốc lên có 03 quân giống nhau và ăn được thêm quân còn lại) thì mỗi người phải trả 60.000 đồng. Ù lèo (bài ù có cửu vạn, bát sách, chi chi), ù chì bạch thủ (ù tại cửa với đúng 6 chắn và khi đợi ù chỉ đợi được đúng một quân để ù) thì mỗi người phải trả 80.000 đồng. Ù lèo tôm thì mỗi người phải trả 100.000 đồng. Ù thông tôm lèo thì mỗi người phải trả 120.000 đồng. Ù bạch định (bài ù có 20 quân bài đều đen), bạch thủ ù chi (ù với đúng 6 chắn và quân đợi ù là chi chi). Ù tám đỏ (bài ù có 08 quân bài đỏ) thì người chơi phải trả 160.000 đồng. Ù bạch định tôm thì người chơi phải trả 180.000 đồng. Ù tám đỏ lèo, tám đỏ hai lèo thì người chơi phải trả lần lượt là 200.000 đồng và 240.000 đồng. Nếu ai ù được cước to từ Bạch định trở lên thì phải tự bỏ ra số tiền 40.000 đồng để dưới chiếu cho chủ nhà và người chia bài. Khi bắt đầu chơi thì Â là người chia bài, chia được 02 ván thì Â có việc đi ra ngoài nên Đ ngồi vào chia bài cho các đối tượng đánh bạc. Trong quá trình chơi thì có Nguyễn Văn Ph và Trần Đức B đến nhưng không tham gia đánh bạc mà ngồi ngoài xem. Sau đó do T bị thua nên nhờ Ph cầm

bài đánh hộ T, tiền đánh bạc là tiền của T. Ph đồng ý. Các đối tượng đánh bạc đến 11 giờ 50 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện T bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng phạm tội như nêu ở trên.

Trần Đức Â là chủ nhà, không thu tiền hồ, không tham gia đánh bạc nhưng đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình, đồng thời Â là người chuẩn bị bài chắn, đĩa sứ, thảm, chia bài (02 ván) cho các đối tượng đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc các đối tượng đã bỏ ra số tiền 40.000 đồng cho chủ nhà và người chia bài. Tuy nhiên do đang đánh bạc thì bị bắt quả tang nên Â chưa được hưởng số tiền này.

Nguyễn Duy Đ mang theo số tiền 3.560.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Đ bỏ ra trước số tiền 3.000.000 đồng, còn 560.000 đồng cất trong ví da màu đen để dưới chiếu, nếu thua hết số tiền 3.000.000 đồng thì Đ sẽ lấy số tiền 560.000 đồng ra để chơi. Quá trình đánh bạc thì Đ ù 01 ván tám đỏ nên đã bỏ ra chiếu số tiền 40.000 đồng cho chủ nhà và người chia bài. Khi lực lượng Công an bắt quả thu giữ tại chiếu bạc trước mặt Đ đang ngồi 200.000 đồng; 560.000 đồng trong ví để dưới chiếu và 5.720.000 đồng để dưới ví. Toàn bộ số tiền trên là tiền Đ bỏ ra để đánh bạc và thắng bạc.

Nguyễn Việt H mang theo số tiền 4.040.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. H bỏ ra trước số tiền 2.000.000 đồng, còn 2.040.000 cất ở trong ví. Quá trình đánh bạc thắng nên H cất tiếp 1.500.000 đồng vào trong ví. Nếu chơi thua hết số tiền ban đầu, H sẽ lấy toàn bộ số tiền 3.540.000 đồng trong ví ra để chơi. Khi lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc trước mặt H đang ngồi 520.000 đồng; thu trong ví số tiền 3.540.000 đồng là tiền sử dụng để đánh bạc. Số tiền 1.640.000 đồng trong bao lì xì bằng giấy màu đỏ là tiền H dùng để mừng tuổi tết, không sử dụng để đánh bạc.

Trần Đức T mang theo số tiền 9.000.000 đồng nhưng chỉ bỏ ra 5.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Số tiền 4.000.000 đồng còn lại T cất trong ví. Quá trình đánh bạc T bị thua 1.680.000 đồng nên T nhờ Nguyễn Văn Ph cầm bài đánh hộ. T để lại trên chiếu số tiền 400.000 đồng cho Ph đánh bạc và cất 2.920.000 đồng vào trong ví. Nếu Ph chơi thua hết số tiền 400.000 đồng thì T sẽ bỏ 2.920.000 đồng trong ví ra cho P chơi. Khi lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc trước mặt P đang ngồi 300.000 đồng; thu trong ví của T số tiền 6.920.000 đồng, trong đó 2.920.000 đồng là tiền sử dụng để đánh bạc. Số tiền 4.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Văn Th mang theo số tiền 2.040.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Quá trình đánh bạc, Th đang bị thua số tiền 1.200.000 đồng, còn lại 840.000 đồng để trên chiếu bạc bị lực lượng Công an thu giữ.

Nguyễn Văn P là người cầm bài đánh bạc hộ Trần Đức T. P không phải bỏ tiền ra để đánh bạc mà sử dụng số tiền 400.000 đồng Tiệp để lại trên chiếu bạc để đánh bạc. P không được hưởng lợi gì. Quá trình đánh bạc hộ T thì P bị thua 100.000 đồng. Khi lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc trước mặt P đang ngồi 300.000 đồng. Ngoài ra thu giữ của P số tiền 7.600.000 đồng trong ví, P không sử dụng để đánh bạc.

Nguyễn Duy Đ là người chia bài cho các đối tượng đánh bạc từ lúc Trần Đức Â có việc đi ra ngoài cho đến khi lực lượng Công an bắt quả tang. Trong quá trình đánh bạc các đối tượng đã bỏ ra số tiền 40.000 đồng cho chủ nhà và người chia bài. Tuy nhiên do đang đánh bạc thì bị bắt quả tang nên Đ chưa được hưởng số tiền này. Ngoài ra lực lượng Công an thu giữ của Đợi số tiền 330.000 đồng, Đợi không sử dụng để đánh bạc.

Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 14.640.000 đồng (trong đó thu trên chiếu bạc 8.180.000 đồng; thu trên người các đối tượng khai nhận sử dụng để đánh bạc là 6.460.000 đồng). Số tiền thu giữ trên người các đối tượng không sử dụng để đánh bạc là 13.570.000 đồng (trong đó thu của Đ 330.000 đồng, P 7.600.000 đồng, H 1.640.000 đồng và T 4.000.000 đồng).

Tại Cơ quan điều tra các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số: 43/CT-VKSTT ngày 12/5/2022 của VKSND huyện T đã truy tố đối với bị cáo Trần Đức Â, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Việt H, Trần Đức T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn P và Nguyễn Duy Đ đã phạm tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Đức Â, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Việt H, Trần Đức T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn P và Nguyễn Duy Đ đã phạm tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Đức Â từ 10 đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 28 tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung từ 10 đến 15 triệu đồng sung quỹ Nhà nước

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Đức T, Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Duy Đ và Nguyễn Duy Đ mỗi bị cáo từ 20 đến 25 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

***** Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếu nhựa màu vàng, xanh, đỏ; 01 tấm thảm màu nâu; 02 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 02 bộ bài chắn (01 bộ màu đỏ, 01 bộ màu trắng); 01 bao lì xì bằng giấy màu đỏ. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 14.640.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Trả lại Nguyễn Duy Đ 330.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen. Nguyễn Duy Đ 01 điện thoại di động Samsung màu vàng; Nguyễn Văn P 01 ví da màu đen, 7.600.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng; Nguyễn Việt H 01 ví da màu đen, 1.640.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám; Nguyễn Văn Th 01 điện thoại di động Oppo màu đen; Trần Đức T 01 ví da màu nâu, 4.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung màu đen; Trần Đức Â 01 điện thoại di động Oppo màu đen. Nhưng tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Trần Đức Â, Trần Đức T, Nguyễn Việt H, Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn P và Nguyễn Duy Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hồi 11 giờ 50 phút ngày 09/02/2022, tại phòng khách nhà Trần Đức Â sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn X ,

xã X, huyện T, tỉnh B, lực lượng Công an huyện T bắt quả tang các đối tượng đang có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh chắn được thua bằng tiền gồm: Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Văn Th, Trần Đức T và Nguyễn Việt H. Quá trình đánh bạc thì Trần Đức T có nhờ Nguyễn Văn Ph cầm bài đánh hộ T, tiền đánh bạc là tiền của T. Trần Đức Â là chủ nhà, không thu tiền hồ, không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình; đồng thời Â là người chuẩn bị bài chắn, đĩa sứ, thảm, chia bài (02 ván) cho các đối tượng đánh bạc. Khi Â có việc đi ra ngoài thì Nguyễn Duy Đ là người chia bài cho các đối tượng đánh bạc đến khi bị bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo đã, đang và sẽ sử dụng mục đích đánh bạc là 14.640.000 đồng. Xét hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Từ nhận định trên, HĐXX xác định Cáo trạng số: 43/CT-VKSTT ngày 12/5/2022 của VKSND huyện T đã truy tố đối với các bị cáo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là sự xâm phạm trật tự công cộng. Hành vi của các bị cáo không những làm ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình các bị cáo mà còn là tệ nạn xã hội bị xã hội lên án. Chính vì vậy, đối với các bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự tương xứng với hành vi của từng bị cáo mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng các bị cáo.

Xét về vai trò, tính chất, mức độ vi phạm của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn bởi vì: Các bị cáo Nguyễn Duy Đ, Nguyễn Việt H, Trần Đức T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Duy Đ đến nhà bị cáo Â uống nước trong lúc chờ ăn cơm các đều rủ nhau đánh bạc, nhưng không có sự phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia. Do các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc. Trong vụ án bị cáo Â là chủ nhà, chuẩn bị công cụ phương tiện và chia bài cho các bị cáo khác đánh bạc nên bị cáo có vai trò chính trong vụ án rồi mới đến các bị cáo khác.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Đối với bị cáo Â, T, Hà, Đ, Th và Đ đều không có tiền án, tiền sự nên các bị cáo đều được xác định là người có nhân thân tốt. Đối với bị cáo P mặc dù đã xoá án tích của Bản án số 28/2007/HSST ngày 30/10/2007 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B, nhưng bị cáo được xác định là người có nhân thân chưa tốt.

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân các bị cáo T, Hà, Đ, Th và P đều nhận thức đầy đủ hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền một cách nhanh chóng mà các bị cáo đã phạm tội. Đối với bị cáo Â đã nhận thức được hành vi cho các bị cáo T, H, Đ, Th và P đánh bạc tại

nhà, chuẩn bị công cụ và chia bài hộ để các bị cáo đánh bạc là vi pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Đối với bị cáo Đ nhận thức được việc chia bài hộ để các bị cáo khác tham gia đánh bạc là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo bằng chế tài luật hình sự tương xứng hành vi của các bị cáo mới đủ cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Đối với bị cáo T, Hà, Đ,Th, Â và Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo T, H, Đ,Th, Â và Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo H có bố đẻ được Chủ tịch nước thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, được Chính phủ thưởng Huy chương chiến thắng hạng Nhất và được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất; bị cáo Â có tham gia quân ngũ và có mẹ đẻ được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo Đ có tham gia quân ngũ và được tặng Bằng khen và có bố đẻ được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen; bị cáo Đ có tham gia quân ngũ*;* bị cáo Th có bố đẻ được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; bị cáo T có bố đẻ được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba và bị cáo P có tham gia tổ chốt Liên ngành kiểm soát dịch Covid 19 tại các cửa ngõ vào địa bàn xã X theo Quyết định số 88/QĐ của UBND xã X, ngày 09/5/2020. Do vậy, bị cáo H, Â, Đ, Th, Đ, T và P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, trong thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo H, Th và T mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp 20.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T; bị cáo P và Â mỗi bị cáo đã tự nguyện nộp 10.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Số tiền này bị cáo cáo H, Th, T, P và Â nộp để đảm bảo việc thi hành án nên bị cáo H, Th, T, Â và P được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ vào các tình tiết trên HĐXX thấy, đối với các bị cáo T, H, Đ, Th và Đ chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho hội; đối với bị cáo P và Â không cần thiết phải ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và thấy được sự khoan hồng của pháp luật; ngoài hình phạt chính cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo P và Â là phù hợp quy định của pháp luật.

Liên quan trong vụ án:

Khi các đối tượng đánh bạc tại nhà Trần Đức Â thì các thành viên khác trong gia đình Â không biết. Đối với anh Trần Đức B có mặt tại nhà Â nhưng không tham gia

đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý gì đới với anh B là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với bà Ngô Thị S là người đã bán cho bị cáo Â 02 bộ bài chắn nhưng không biết Â sử dụng để đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không xem xét xử lý gì đối với bà S là phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếu nhựa màu vàng, xanh, đỏ; 01 tấm thảm màu nâu; 02 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 02 bộ bài chắn mỗi bộ 100 quân (trong đó 01 bộ một mặt quân bài màu đỏ, 01 bộ một mặt quân bài màu trắng). Xét thấy, đây là công cụ phạm tội của các bị cáo, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 bao lì xì bằng giấy màu đỏ CQĐT thu được của bị cáo Hà; xét thấy, đây là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 14.640.000 đồng các bị cáo đã, đang và sẽ sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 330.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen CQĐT thu giữ của bị cáo Đợi; 01 điện thoại di động Samsung màu vàng CQĐT thu được của bị cáo Đ; 01 ví da màu đen, 7.600.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng CQĐT thu được của bị cáo P; 01 ví da màu đen, 1.640.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám CQĐT thu được của bị cáo H; 01 điện thoại di động Oppo màu đen CQĐT thu được của bị cáo Th; 01 ví da màu nâu, 4.000.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung màu đen CQĐT thu được của bị cáo T; 01 điện thoại di động Oppo màu đen CQĐT thu được của bị cáo Â. Xét thấy, đây là tài sản riêng của bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần tuyên trả bị cáo, nhưng tạm giữ số tài sản của bị cáo Đ và bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án.

[4]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

* Tuyên bố bị cáo Trần Đức Â, Trần Đức T, Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn P, Nguyễn Duy Đ và Nguyễn Duy Đ phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Đức Â 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo Â đã nộp đủ 10.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/0004154, ngày 23/6/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo P đã nộp đủ 10.000.000 đồng tiền phạt theo biên lai số AA/2021/0004153, ngày 23/6/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

Giao bị cáo Â và Phú cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Đức T, Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Duy Đ và Nguyễn Duy Đ mỗi bị cáo 20.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo T đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai số AA/2021/004156 ngày 23/6/2022; bị cáo Th đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai số AA/2021/004155 ngày 23/6/2022 và bị cáo H đã nộp 20.000.000 đồng theo biên lai số AA/2021/004158 ngày 27/6/2022 và biên lai số AA/2021/004161 ngày 30/6/2022, tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

* Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếu nhựa màu vàng, xanh, đỏ; 01 tấm thảm màu nâu; 02 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 02 bộ bài chắn mỗi bộ 100 quân (trong đó 01 bộ một mặt quân bài màu đỏ, 01 bộ một mặt quân bài màu trắng) và 01 bao lì xì bằng giấy màu đỏ. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.640.000 đồng. Trả lại bị cáo P 01 ví da màu đen, 7.600.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus màu vàng; bị cáo H 01 ví da màu đen, 1.640.000 đồng và 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám; bị cáo Th 01 điện thoại di động Oppo màu đen; bị cáo T 01 ví da màu nâu, 4.000.000 đồng và 01 điện thoại di động SamSung màu đen; bị cáo Â 01 điện thoại di động Oppo màu đen; bị cáo Đ 330.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh đen; bị cáo Đ 01 điện thoại di động SamSung màu vàng. Nhưng tạm giữ số tài sản đã tuyên trả cho bị cáo Đ và Đ để đảm bảo thi hành án (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/6/2022 giữa Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc các bị cáo Trần Đức Â, Trần Đức T, Nguyễn Việt H, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Duy Đ và Nguyễn Duy Đ và Nguyễn Văn P mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm. Xác nhận bị cáo H đã nộp đủ 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2021/004158 ngày 27/6/2022, bị cáo T đã nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2021/004156 ngày 23/6/2022 và bị cáo Th đã nộp đủ 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2021/004155 ngày 23/6/2022, bị cáo Â đã nộp đủ 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2021/0004154, ngày 23/6/2022 và bị cáo P đã nộp đủ 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2021/0004153, ngày 23/6/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện T.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Xuân Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T.
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.